

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2023.

V/v tranh chấp ly hôn

giữa chị M và anh V

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tường Bích;

2. Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2021/QĐXXST -HN ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B 1, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

2. Bị đơn: Anh Đinh Tuấn V, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B 2, xã T, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2022, biên bản hòa giải ngày 13/12/2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc M trình bày:

Chị và anh V cưới nhau vào năm 2020 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/03/2021. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 04/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh V không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống không có hạnh

phúc. Từ tháng 04/2022 đến hiện tại, chị và anh V đã ly thân. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Theo bản tự khai ngày 13/12/2022, biên bản hòa giải ngày 13/12/2022 và những lời khai tiếp theo bị đơn anh Đinh Tuấn V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị M chung sống với nhau vào năm 2020 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị vào ngày 15/03/2021. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 04/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không có gì lớn, có thể hàn gắn tình cảm được nên anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về Hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc M và anh Đinh Tuấn V kết hôn vào năm 2021, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/03/2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh V và chị M thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau về kinh tế gia đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2022 cho đến nay. Hiện tại chị và anh V đã ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc M đối với anh Đinh Tuấn V là phù hợp.

[2] Về con chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

[3] Về tài sản chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị M phải chịu án phí là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010306 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc M đối với anh Đinh Tuấn V. Quan hệ hôn nhân của chị M, anh V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc M phải chịu án phí là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010306 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc M, bị đơn Đinh Tuấn V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc M đối với anh Đinh Tuấn V. Quan hệ hôn nhân của chị M, anh V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: chị M, anh V khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc M phải chịu án phí là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010306 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc M, bị đơn Đinh Tuấn V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương